

Bản án số: 32/2022/HS-ST

Ngày: 24/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thúy Hà**.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Hoàng Thị An**;
2/ Ông **Nguyễn Hữu Đệ**.
- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Việt Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 255/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/HSST ngày 07/3/2022 đối với bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm: 1984; Tại: Hà N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Hải B, xã Hải B, huyện Đông A, TP Hà N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Nguyễn Tiến T, sinh 1957; Mẹ đẻ: Bùi Thị T, sinh 1960; Vợ: Vũ Thị L, sinh 1985; Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 02/12/2021, huỷ bỏ biện pháp tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2/ Họ và tên: **Dương Thành T**, sinh năm 1995; Tại: Hà N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Hộ khẩu thường trú: Thôn Lan M, thị trấn Kiêu K, huyện Thanh L, tỉnh Hà N; Chỗ ở: Thôn Cổ Đ, xã Hải B, huyện Đông A, TP Hà N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Dương Văn O, sinh năm 1964, làm ruộng; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1970, làm ruộng; Gia đình có 02 anh, T là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: 01 Tiền án. Ngày 23, 28/9/2020, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm – Thành phố Hà Nội xử phạt 34 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 60 tháng về tội “Tổ chức đánh bạc” tại Bản án số 269/2020/HSST. Chưa chấp hành xong bản án, phạm tội trong thời gian thử thách.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 04/7/2021 đến nay. Hiện đang tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Anh.

3/ Họ và tên: **Nguyễn Đình Q**, sinh năm: 14/02/2003; Tại: Hà N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Vống L, xã Vống L, huyện Đông A, TP Hà N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 8/10; Bố đẻ: Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; Mẹ đẻ: Bùi Thị H, sinh năm 1977; Gia đình có 03 anh, bị cáo Q là con thứ 2.

Tiền án, tiền sự: 01 Tiền án. Ngày 23, 28/9/2020, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm – Thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 36 tháng về tội “Tổ chức đánh bạc” tại Bản án số 269/2020/HSST. Chưa chấp hành xong bản án, phạm tội trong thời gian thử thách.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2021 đến nay. Hiện đang áp dụng biện pháp tạm giam. Hiện đang tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Anh.

4/ Họ và tên: **Nguyễn Đăng B**, sinh năm: 1983, Tại: Hà N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Cổ Đ, xã Hải B, huyện Đông A, TP Hà N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Nguyễn Đăng M, sinh năm 1956; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Có 03 con. Con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 04/7/2021 đến ngày 13/7/2021, huỷ bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5/ Họ và tên: **Nguyễn Đình T1**, sinh năm: 1980; Tại: Hà N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, phường Nghĩa Đ, quận Cầu G, TP Hà N; Chỗ ở: Thôn Vống L, xã Vống L, huyện Đông A, TP Hà N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Nguyễn Đình Đ, đã chết; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1946, hưu trí; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Có 01 con sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 04/7/2021 đến ngày 13/7/2021, huỷ bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6/ Họ và tên: **Nguyễn Nam H**, sinh năm: 1973; Tại: Hà N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu A, Cầu 11, xã Hải B, huyện Đông A, TP Hà N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao

động tự do; Văn hóa: 07/10; Bố đẻ: Nguyễn Văn V, đã chết; Mẹ đẻ: Ngô Thị K, đã chết; Vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; Có 02 con. Con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2004;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 04/7/2021 đến ngày 13/7/2021, huỷ bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

7/ Họ và tên: **Bùi Thị L**, sinh năm: 1980; Tại: Hà N; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Nhuế, xã Kim C, huyện Đông A, TP Hà N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 09/12; Bố đẻ: Bùi Đức T, sinh năm 1953, hưu trí; Mẹ đẻ: Ngô Thị T, sinh năm 1954, làm ruộng; Chồng: Lê Tiến Đ, sinh năm 1980, làm ruộng; Có 02 con; Con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 04/7/2021 đến ngày 13/7/2021, huỷ bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

8/ Họ và tên: **Nguyễn Ngọc V**, sinh năm: 1982; Tại: Hà N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đồng N, xã Hải B, huyện Đông A, TP Hà N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn H, sinh năm 1949, đã chết; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1955, làm ruộng; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1983, công nhân; Có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lương Hiền T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 59, ngõ 58/23, Trần B, Mai D, Cầu G, Hà N.

2. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Cổ Đ, Hải B, Đông A, Hà N.

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tập thể C, Cổ Đ, Hải B, Đông A, Hà N.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18h15' ngày 04/7/2021, tổ công tác Đội Cảnh sát Hình sự - Công an huyện Đông Anh phối hợp với Công an xã Hải B kiểm tra phát hiện tại khu vực thôn Cổ Đ, Hải B, Đông A, Hà N các đối tượng Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đăng B có hành vi tổng hợp bằng cấp số lô, số đề của các con bạc. Tổ công tác tiến hành lập biên bản, tạm giữ vật chứng và đưa những người liên quan về trụ sở làm việc.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đăng B khai làm thư ký cho Nguyễn Hoàng L (SN: 1984; trú tại: Hải B, Hải B, Đông A, Hà N) và thanh toán tiền thắng thua cho L qua Dương Thành T; Nguyễn Nam H và Bùi Thị L khai chuyển bằng cấp và thanh toán tiền thắng thua trực tiếp với Dương Thành T. Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành mời Dương Thành T, Nguyễn Hoàng L đến trụ sở để làm việc. Tại cơ quan điều tra, Dương Thành T đã khai nhận như trên. Nguyễn Hoàng L không có mặt tại địa phương.

Nguyễn Thị M khai bán số lô đề cho đối tượng tên N.

Cơ quan điều tra đã thu giữ:

+ *Của Dương Thành T:*

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 11, màu đỏ, số Imei: 352899117317681 lắp sim số 0886803123.

+ *Của Nguyễn Đình T1:*

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 8, màu vàng lắp sim: 0813856697.

- 02 Bảng cấp (giấy A4) ghi số lô, đề ngày 04/7/2021 có chữ ký của Nguyễn Đình T1.

+ *Của Nguyễn Đăng B:*

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy S21, màu xám, số Imei 1: 350299947532424, số Imei 2: 352817867532427, lắp sim số: 0964469800 và 0904134882.

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy M51, màu trắng, số Imei 1: 353544561409996, số Imei 2: 353914471409990, lắp sim số: 0868177457.

- 01 Tờ giấy A4 ghi số lô đề có dòng ký hiệu “4-7”.

- 01 Tờ giấy A4 cả hai mặt giấy ghi số lô đề, một mặt có dòng ký hiệu “3-7”

+ *Của Nguyễn Nam H:*

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Oppo, màu đen, số Imei 1: 865720044845912, số Imei 2: 865720044845904, lắp sim số: 0944005989.

+ *Của Bùi Thị L (tức H):*

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Oppo A7, màu vàng, số Imei 1: 864123047305951, số Imei 2: 864124047305944, lắp sim số: 0977187823.

- 01 Tờ giấy A4 ghi số lô đề ngày 04/7/2021 có chữ ký của Bùi Thị L.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của L tại Cụm dân cư Hải B xã Hải B, huyện Đông A, quá trình khám xét không thu giữ được tài liệu, đồ vật gì.

Kết quả điều tra xác định:

Khoảng tháng 6/2021, Nguyễn Hoàng L nảy sinh ý định tổ chức đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề thu lợi.

Nguyễn Hoàng L thỏa thuận với Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đăng B; Nguyễn Nam H và Bùi Thị L làm thư ký ghi bán số lô, số đề sau đó chuyển cho bị cáo L. L thỏa thuận với các thư ký, trả cho thư ký từ 15% đến 17% hoa hồng/số tiền ghi bán được đối với đề hai số, ba số; từ 20% đến 30% hoa hồng đối với số tiền lô xiên bán được và 1.000đ đến 1.100đ/1 điểm lô bán được. Kết quả tiền thắng thua dựa trên kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng hàng ngày. Số tiền thắng thua được tính theo tỷ lệ, đề hai số thắng trả gấp 80 lần số tiền cược, đề ba số trả gấp 400 lần số tiền cược, lô thường hai số với mỗi điểm lô trả 80.000 đồng/1 điểm cho các con bạc, lô xiên 2 gấp 10 lần tiền cược, lô xiên 3 gấp 40 lần tiền cược, lô xiên 4 gấp 100 lần tiền cược. Tất cả đồng ý.

L thỏa thuận với Dương Thành T, T hàng ngày đi thanh toán tiền thắng thua đối với các thư ký tham gia đánh bạc với L, L trả cho T 7.000.000 đồng/ tháng. Đồng thời, L thỏa thuận với Nguyễn Đình Q hàng ngày Q đến nhà L sử dụng máy điện thoại di động có cài đặt phần mềm Telegram tổng hợp bảng cấp lô đề do các thư ký chuyển đến trên máy, L sẽ trả cho Q 7.000.000đ/ tháng. Q, T đồng ý.

Quá trình tổ chức đánh bạc cụ thể như sau: Nguyễn Hoàng L dùng số thuê bao 0917259454 đăng ký ứng dụng Telegram tên tài khoản là “Công P” sau đó cung cấp cho Dương Thành T để T đến gặp các thư ký cài đặt cho các thư ký ứng dụng Telegram và lưu số thuê bao 0917259454 trên máy điện thoại di động của các thư ký để thực hiện việc chuyển, nhận bảng cấp, thông báo tiền thắng thua cho các thư ký. Hàng ngày, các thư ký bán số lô, số đề cho các con bạc đến khoảng 18h15’ tổng hợp bảng cấp sau đó chụp ảnh hoặc nhắn tin gửi qua tài khoản Telegram tên “Công P” cho L. Khoảng 18h15’ hàng ngày, L hoặc Q sẽ ngồi tại phòng ngủ tầng 3 nhà L ở khu dân cư Thăng L, Hải B, Đông A, Hà N, sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi (để trên giá sách trong phòng) đã được cài đặt tài khoản Telegram tên “Công P” để nhận bảng cấp lô đề của các thư ký chuyển đến. Sau khi có kết quả mở thưởng của Xổ số kiến thiết miền Bắc vào 18h30’ hàng ngày, L hoặc Q tính tiền thắng thua.

Khoảng 15h00’ ngày hôm sau, L sử dụng tài khoản Telegram “Hello” đăng ký bằng số thuê bao 0944986333 nhắn tin đến tài khoản Telegram “Môi” đăng ký bằng số thuê bao 0886803123 của bị cáo T tổng tiền thắng thua của từng thư ký ngày hôm trước. Trên cơ sở bảng tổng hợp L gửi, T trực tiếp đi gặp các thư ký, thanh toán tiền thắng thua với các thư ký. Nếu thừa thì mang về cho L, nếu thiếu thì đến gặp L lấy tiền trả. Thanh toán tiền xong với các thư ký, L tự xóa hết tin nhắn, hình ảnh liên quan đến việc bán số lô đề trên điện thoại.

Nguyễn Đăng B sử dụng quán bán tạp hoá tại nhà của mình bán số lô đề cho các con bạc, sử dụng tài khoản Telegram tên “A Binh Nguyen” đăng ký số thuê bao

0868177457; Nguyễn Đình T1 ngồi bán số lô đề tại ven đường liên xã Hải B cho các con bạc, sử dụng tài khoản Telegram tên “Vận Chuyển Người” đăng ký số thuê bao 0813856697; Nguyễn Nam H sử dụng nhà riêng của mình bán số lô đề cho các con bạc, sử dụng tài khoản Telegram tên “Men Men” đăng ký số thuê bao 0944005989; Bùi Thị L ngồi bán số lô đề cho các con bạc tại ven đường liên xã Hải B, sử dụng tài khoản Telegram tên “gdggdg” đăng ký số thuê bao 0336742198 nhắn tin để chuyển bảng cấp lô đề cho Nguyễn Hoàng L. Ngày 04/7/2021 khi T1, B, Hà, L đang bán số lô, số đề cho các con bạc thì bị cơ quan công an bắt giữ.

Áp dụng theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao tính số tiền đánh bạc, cụ thể:

• **Số tiền đánh bạc của Nguyễn Đăng B:**

+ Bảng cấp ngày 04/7/2021: Tiền đề: 2.805.000 đồng; Tiền lô thường: 5.290.000 đồng; Tiền lô xiên: 180.000 đồng. Tổng số tiền tham gia đánh bạc: 8.275.000 đồng. Bảng cấp ngày 04/7/2021 do bị bắt nên không tính thắng thua, B được hưởng lợi: 727.000 đồng (chưa được thanh toán do bị bắt).

+ Bảng cấp ngày 03/7/2021: Tổng số tiền đề: 2.115.000 đồng; Tổng số tiền lô thường: 3.680.000 đồng; Tổng số tiền lô xiên: 130.000 đồng, Tổng số tiền trúng thưởng: 5.200.000 đồng; Tổng số tiền tham gia đánh bạc: 11.125.000 đồng. Bị cáo B hưởng lợi: 532.000 đồng.

+ Bảng cấp ngày 02/7/2021: Tổng số tiền đề: 1.500.000 đồng; Tổng số tiền lô thường: 4.255.000 đồng; Tổng số tiền lô xiên: 80.000 đồng; Tổng số tiền trúng thưởng: 2.000.000 đồng; Tổng số tiền tham gia đánh bạc: 7.835.000 đồng. Bị cáo B hưởng lợi: 452.000 đồng.

• **Số tiền đánh bạc của Nguyễn Đình T1:**

+ Bảng cấp lô đề ngày 04/7/2021: Tổng số tiền đề: 2.261.000 đồng; Tổng số tiền lô thường: 9.945.000 đồng; Tổng số tiền lô xiên: 275.500 đồng. Tổng số tiền tham gia đánh bạc: 12.481.500 đồng. Bị cáo T1 hưởng lợi: 488.000 đồng. Bảng cấp ngày 04/7/2021, không tính thắng thua (chưa được thanh toán do bị bắt).

• **Số tiền đánh bạc của Nguyễn Nam H:**

+ Ngày 04/7/2021, bị cáo Hà chuyển cho Nguyễn Hoàng L: Tổng số tiền đề: 1.239.750 đồng; Tổng số tiền lô thường: 10.810.000 đồng; Tổng số tiền lô xiên: 237.500 đồng; Tổng số tiền tham gia đánh bạc: 12.287.500 đồng. Bị cáo Hà hưởng lợi: 625.500 đồng. Bảng cấp ngày 04/7/2021, không tính thắng thua (chưa được thanh toán do bị bắt).

+ Ngày 03/7/2021: Tổng số tiền đề: 38.000 đồng; Tổng số tiền lô: 460.000 đồng; Tổng số tiền tham gia đánh bạc: 498.000 đồng. Bị cáo H hưởng lợi: 24.000 đồng. Bảng cấp ngày 03/7/2021, không trúng thưởng.

• **Số tiền đánh bạc của Bùi Thị L:**

+ Bảng cấp lô đề ngày 04/7/2021: Tổng số tiền đề: 150.000 đồng; Tổng số tiền lô thường: 7.130.000 đồng; Tổng số tiền tham gia đánh bạc: 7.280.000 đồng. Bị cáo L hưởng lợi: 332.500 đồng. Bảng cấp ngày 04/7/2021, không tính thắng thua (chưa được thanh toán do bị bắt).

+ Bảng cấp là phần tin nhắn ngày 04/7/2021: Tổng số tiền đề: 260.000 đồng; Tổng số tiền lô: 690.000 đồng; Tổng số tiền tham gia đánh bạc: 950.000 đồng. Bị cáo L hưởng lợi: 69.000 đồng. Bảng cấp ngày 04/7/2021, không tính thắng thua.

* Nguyễn Ngọc Văn ngày 04/7/2021 đến mua số lô 97x250 điểm của Nguyễn Nam H. Tổng số tiền tham gia đánh bạc là: 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

* Như vậy tổng số tiền ngày 02/7/2021, Nguyễn Hoàng L tổ chức đánh bạc cho các con bạc là 7.835.000 đồng. L thu lợi bất chính 3.383.000 đồng; Ngày 03/7/2021 là 12.122.000 đồng; L thu lợi bất chính 667.000 đồng; Ngày 04/7/2021 là 41.274.000 đồng, bị cáo chưa thu lợi do bị bắt quả tang, chưa thanh toán.

Tổng số tiền L tổ chức đánh bạc với các thư ký và các con bạc là: 61.231.000 đồng, thu lợi bất chính 4.050.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Đình Q, Dương Thành T, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đăng B, Nguyễn Nam H, Bùi Thị L, Nguyễn Ngọc V khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Về tách rút tài liệu và xử lý hành chính: Ngoài các thư ký trên, L khai còn thuê các thư ký Đ (thường gọi là “Đ Hà Tây”, ngồi bán số lô đề trước cửa nhà hàng Gia L), bà Vũ Thị Q (SN: 1949; HKTT: Tập thể cơ khí 4, Hải B, Đông A, Hà N), B (thường gọi là “B con”, ngồi bán xổ số ở đường liên xã thôn Cổ Đ), bà Lê Thị L (SN: 1958; HKTT: Tập thể Cầu 11, Hải B, Đông A, Hà N). Quá trình điều tra không thu giữ được bảng cấp lô đề của các thư ký này.

Xác minh tại Công an xã Hải B kết quả: Không xác định được đối tượng Đ (thường gọi là “Đ Hà Tây”, ngồi bán số lô đề trước cửa nhà hàng Gia L) và B (thường gọi là “B con”, ngồi bán xổ số ở đường liên xã thôn Cổ Đ) nên Cơ quan điều tra không đưa vào xử lý.

Tiến hành triệu tập bà Vũ Thị Q để làm rõ nhưng hiện bà Q không có mặt tại nơi cư trú. Chưa đủ căn cứ xác định bà Q có hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra tách rút tài liệu để làm rõ đưa xử lý sau.

Bà Lê Thị L khai không bán số lô đề cho các con bạc, không quen biết với Dương Thành T. Ngoài lời khai của T không còn tài liệu khác chứng minh. Chưa đủ căn cứ xác định bà L có hành vi phạm tội Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Bị cáo Dương Thành T khai được L bảo đi thu bảng cấp và thanh toán thắng thua với các thư ký từ tháng 6/2021. Sau khi đi thanh toán tiền bảng cấp lô đề với các thư ký xong mang tiền về đưa cho bà Bùi Thị T (SN: 1960; HKTT: Hải B, Hải B, Đông A, Hà

N – là mẹ của L) và Vũ Thị L (SN: 1985; HKTT: Hải B, Hải B, Đông A, Hà N – là vợ của L). Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng ngoài lời khai của T, bà Thư xác định khi T đưa tiền chỉ nói nhờ đưa cho L, không nói là tiền gì; chị L không gặp và nhận tiền của T; việc L và T tổ chức đánh bạc bà T, chị L không biết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ đưa xử lý.

Ngày 04/7/2021, T nhắn tin từ tài khoản Telagram tên “Mối” của mình đến tài khoản Telegram tên “L ốc” đăng ký số thuê bao 0988762717 của một người tên L (thường gọi là “L ốc”) để mua số lô đề. Tổng số tiền tham gia đánh bạc của T là: 19.592.000 đồng. Hiện chưa xác định được nhân thân đối tượng L “ốc”. Cơ quan điều tra tách rút tài liệu, xác minh xử lý sau đối với hành vi đánh bạc của T và đối tượng tên Long là có căn cứ.

Về Nguyễn Mạnh H4 (SN: 1982; HKTT: Yên H, Hải B, Đông A, Hà N) ngày 04/7/2021 mua số lô thường hai số 79, 21 mỗi số 100 điểm, số đề hai số 16x400.000 đồng. Tổng số tiền tham gia đánh bạc của H4 là 5.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập nhưng hiện H4 vắng mặt khỏi nơi cư trú. Xác minh tại gia đình H4 xác định H4 không thường xuyên sử dụng điện thoại nên chưa có căn cứ đưa xử lý, Cơ quan điều tra tách rút tài liệu xử lý sau là có căn cứ.

Hoàng Văn H5 (SN: 1973; HKTT: Tập thể cầu 11, Hải B, Đông A, Hà N), Quách Duy K(SN: 1973; HKTT: Tập thể cầu 11, Hải B, Đông A, Hà N), Nguyễn Hoàng S (SN: 1972; HKTT: Tập thể cầu 11, Hải B, Đông A, Hà N), ngày 04/7/2021 có hành vi đánh bạc (H5: 500.000 đồng; K: 570.000 đồng; S 750.000 đồng). Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập nhưng hiện H5, K, S vắng mặt tại nơi cư trú nên cơ quan điều tra tách rút tài liệu xử lý sau.

Về đối tượng H2 (Khoảng sinh năm: 1977, bán Gas tại Cổ Đ, Hải B, Đông Anh, Hà Nội). Ngày 02/7/2021 tham gia đánh bạc với tổng số tiền là: 6.450.000 đồng. Xác minh tại Công an xã Hải B không xác định được người tên H2 như trên; H3 (SN: 1983; thuê trọ tại Cổ Đ, Hải B, Đông A, Hà N) ngày 03/7/2021 tham gia đánh bạc: 100.000 đồng. Xác minh tại nhà ông Nguyễn Đăng M (SN: 1956; HKTT: Cổ Đ, Hải B, Đông A, Hà N) là nơi anh H thuê trọ xác định: Từ cuối tháng 6/2021, H đã trả phòng thuê trọ, hiện nay đi đâu, làm gì ông M không nắm được. Cơ quan điều tra đã tách rút tài liệu, để tiếp tục xác minh xử lý sau đối với H2, H3 và H4.

Ngoài ra, ngày 04/7/2021 Nguyễn Đăng B còn nhắn tin chuyển bảng cấp lô đề từ tài khoản Telagram của B đến tài khoản Telegram tên “L ốc” đăng ký số thuê bao 0988762717 của một người tên L (thường gọi là “L ốc”- là chủ quán ăn tên L ốc ở đường Lò V thuộc thôn Cổ Đ, Hải B, Đông A, Hà N) để mua số lô đề. Tổng số tiền tham gia đánh bạc là: 19.592.000 (Mười chín triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng. Quá trình điều tra xác định là Nguyễn Thành L (SN: 1977; ở Cổ Đ, Hải B, Đông A, Hà N).

Tiến hành triệu tập nhưng hiện L không có mặt tại địa phương, ngoài lời khai của B không có tài liệu nào khác nên Cơ quan điều tra tách rút tài liệu, xác minh xử lý sau.

Nguyễn Thị M khai hàng ngày, M ngồi bán số lô đề cho các con bạc tại Khu tập thể Cầu 11, Hải B, Đông A. Nguyễn Thị M thỏa thuận làm thư ký bán số lô đề cho Trần Thế N (khoảng 30 tuổi, HKTT: Uông B, Quảng N; chỗ ở hiện nay: Khu tập thể cầu 3, Hải B, Đông A, Hà N). M sử dụng tài khoản Viber nhắn tin số lô đề bán được cho con bạc đến tài khoản Viber lưu tên “Ngọc 2” đăng ký số thuê bao 0836927239. N gặp M ngồi bán số lô đề trả và lấy bằng tiền mặt. Tổng hợp bảng cấp ngày 04/7/2021 của Nguyễn Thị M áp dụng theo Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xác định số tiền tham gia đánh bạc cùng N là: 878.000 đồng.

Xác minh tại Công an xã Hải B không xác định được đối tượng Trần Thế N như lời khai của M nên không có căn cứ để điều tra làm rõ. Cơ quan điều tra tách rút tài liệu, xác minh xử lý sau đối với N là có căn cứ.

Đối với những người có hành vi đánh bạc nhưng không cấu thành tội đánh bạc gồm: Hà Quốc D (SN: 1985; HKTT: Yên Hà, Hải B, Đông A, Hà N), Lương Hiền Triết (SN: 1980; HKTT: Số 59, ngõ 58/23, Trần B, Mai D, Cầu G, Hà N), Đỗ Thị H (SN: 1981; HKTT: Cổ Đ, Hải B, Đông A, Hà Nội), Lê Duy H1 (SN: 1963; HKTT: Tập thể Cầu 11, Hải B, Đông A, Hà N), Hoàng Trung Đ (SN: 1992; Chỗ ở: Cổ Đ, Hải B, Đông A, Hà N), Nguyễn Thị M ngày 04/7/2021 có hành vi đánh bạc (D: 460.000 đồng, T: 30.000 đồng, H: 67.500 đồng, H1: 190.000 đồng, Đ: 950.000 đồng, M: 878.000 đồng); Hoàng Văn C (SN: 1989; HKTT: Đông B, Hoà P, Chiêm H, Tuyên Q; Hiện ở: Cổ Đ, Hải B, Đông A, Hà N) ngày 03/4/2021 tham gia đánh bạc (240.000 đồng) tuy nhiên không cấu thành tội đánh bạc. Hành vi của D, T, H, H1, Đ, M, C, đã vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 26, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Công an huyện Đông Anh quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Đối với Vật chứng thu giữ: 02 bảng cấp (giấy A4) ghi số lô, đề ngày 04/7/2021 tạm giữ của Nguyễn Đình T1; 01 tờ giấy A4 ghi số lô đề có dòng ký hiệu “4-7”, 01 tờ giấy A4 cả hai mặt giấy ghi số lô đề, một mặt có dòng ký hiệu “3-7” tạm giữ của Nguyễn Đăng B; 03 tờ giấy tích kê tạm giữ của Nguyễn Nam H; 01 tờ giấy A4 ghi số lô đề ngày 04/7/2021 tạm giữ của Bùi Thị L, lưu theo hồ sơ vụ án.

09 điện thoại di động của Dương Thành T, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đăng B, Nguyễn Nam H, Bùi Thị L; Nguyễn Thị M, Đỗ Thị H, Lương Hiền T, Nguyễn Đình Q và 5.400.000 đồng tạm giữ của bị cáo Nguyễn Nam H là công cụ và tiền sử dụng vào việc đánh bạc hiện đang lưu giữ tại kho tang vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Bản Cáo trạng số 06/CT-VKSĐA ngày 29/12/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh quyết định truy tố các bị cáo: Nguyễn Hoàng L, Dương Thành T,

Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đăng B, Nguyễn Nam H, Nguyễn Đình T1, Bùi Thị L về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015, truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc V về tội “Đánh bạc”.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Đăng B, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Nam H, Bùi Thị L, Nguyễn Ngọc V khai nhận hành vi phạm tội. Các bị cáo thừa nhận đồng ý với đề xuất của Nguyễn Hoàng L hoặc nhất trí chuyển số lô đề cho Nguyễn Hoàng L để hưởng phần trăm hoa hồng trên doanh số bán lô đề. Nguyễn Hoàng L, Dương Thành T thừa nhận L thuê Dương Thành T, Nguyễn Đình Q thu tiền từ các thư ký để hưởng lương theo tháng, tuy nhiên, T, Q chưa được hưởng lợi do L chưa trả lương. T khai không thu tiền từ đầu thư kí cho L. Tuy nhiên tại phiên tòa, Nguyễn Hoàng L khai nhận có nhờ T thu hộ tiền và tổng hợp tiền qua Telegram. Bị cáo Q nghe rõ lời khai của L và không phản đối.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử phân tích đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, tài liệu chứng cứ đảm bảo để chứng minh bị cáo Nguyễn Hoàng L tổ chức đánh bạc; Dương Thành T, Nguyễn Đình Q là người giúp sức cho L trong việc tổ chức đánh bạc nên đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS;

Tài liệu chứng cứ xác định các bị cáo Nguyễn Đăng B, Nguyễn Nam H, Nguyễn Đình T1, Bùi Thị L có hành vi Tổ chức đánh bạc là người ghi bán số lô đề cho L để hưởng lợi tuy nhiên số tiền các bị cáo đánh trong từng ngày dưới 20.000.000 đồng, dưới 10 con bạc nên hành vi của B, H, T1, L phạm tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS;

Nguyễn Ngọc V phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Cáo trạng của Viện KSND huyện Đông Anh truy tố các bị cáo L, Quốc, T, Văn là hoàn toàn đúng người và có căn cứ pháp luật.

Đối với các bị cáo B, T1, H, L tại phiên tòa thể hiện các bị cáo không cùng ngôi bàn bạc; không cùng chung mục đích với nhau, số tiền các bị cáo trong từng lần chuyển cho L dưới 20.000.000 đồng nên không đồng phạm với L về tội “Tổ chức đánh bạc” mà phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ Điều 266 BLTTHS Viện Kiểm sát thay đổi tội danh đối với B, T1, H, L từ tội “Tổ chức đánh bạc” sang “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Đề nghị xử lý

a) Về trách nhiệm hình sự:

- *Hình phạt chính:*

1 - Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt **Nguyễn Hoàng L** từ 20 tháng – 24 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

2 - Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt **Dương Thành T** từ 18 tháng – 20 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

+ Áp dụng Điều 56, Điều 65 buộc T phải chấp hành hình phạt 34 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 269/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm – Thành phố Hà Nội, tổng hợp hình phạt của 02 Bản án là 52 tháng - 54 tháng tù.

3 - Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, xử phạt **Nguyễn Đình Q** từ 18 tháng – 20 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

+ Áp dụng Điều 56, Điều 65 buộc Quốc phải chấp hành hình phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 269 ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 36 tháng - 38 tháng tù.

4 - Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt **Nguyễn Đăng B** từ 16 tháng – 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời gian thử thách 32 – 36 tháng.

5 - Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt **Nguyễn Đình T1** từ 15 tháng – 17 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời gian thử thách 30 – 34 tháng.

6 - Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt **Nguyễn Nam H** từ 15 tháng – 17 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời gian thử thách 30 – 34 tháng.

7 - Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt **Bùi Thị L** từ 15 tháng – 17 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời gian thử thách 30 – 34 tháng.

8 - Áp dụng khoản 1 Điều 321 ; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt, **Nguyễn Ngọc V** từ 10 tháng – 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 – 24 tháng.

* Hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 322 BLHS phạt tiền đối với bị cáo L: 30.000.000 đồng; Các bị cáo T, Q, B, H, T1, L mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS phạt tiền đối với bị cáo Văn : 10.000.000 đồng;

Vật chứng : Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu sung công: 5.400.000 đồng, 09 ĐTDĐ, 01 máy tính nhãn hiệu Casio;

Tịch thu tiêu hủy: 01 Quyền tích kê, 01 chiếc bút bi, 01 bảng trắng, 01 ghế nhựa màu xanh; 01 bàn nhựa màu đỏ;

Tịch thu sung Ngân sách số tiền các bị cáo đánh bạc.

c) Về trách nhiệm dân sự: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Các Cơ quan tiến hành tố tụng của huyện Đông Anh thực hiện đúng theo quy định của BLTTHS về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố. Việc xử lý hành chính đối với những đối tượng tham gia đánh bạc là đúng pháp luật. Việc tách rút tài liệu để xử lý sau đối với các đối tượng liên quan là đúng quy định của pháp luật. Việc Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh truy tố các bị cáo: Nguyễn Hoàng L, Dương Thành T, Nguyễn Đình Q về tội “Tổ chức đánh bạc”; truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Văn về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Quá trình điều tra, xác định tội danh của Nguyễn Đăng B, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Nam H, Bùi Thị L về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh thay đổi tội danh và truy tố bị cáo Nguyễn Đăng B, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Nam H, Bùi Thị L về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tư cách tố tụng của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đối với Đỗ Thị H, Lương Hiền T, Nguyễn Thị M là những người bị cơ quan điều tra thu giữ tang vật, tài sản như điện thoại sử dụng vào việc đánh bạc, thu giữ ticket, nên đưa H, T, M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Những người tham gia đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề chưa đến mức độ bị truy cứu trách nhiệm hình sự, họ đã có quyết định xử phạt hành chính theo Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, cơ quan điều tra không thu giữ tang vật tài sản nào của họ để chuyển thành tang vật tài sản liên quan đến vụ án, Tòa án không tịch thu tang vật tài sản của họ, không áp dụng biện pháp tư pháp đối với họ nên không đưa họ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi và tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ có đủ căn cứ xác định vào khoảng tháng 6/2021 đến ngày 04/7/2021, tại thôn Cổ Đ, xã Hải B, huyện Đông A, thành phố Hà N, bị cáo Nguyễn Hoàng L thoả thuận với bị cáo Nguyễn Đăng B, Nguyễn Nam H, Bùi Thị L, Nguyễn Đình T1 ghi lô đề chuyển cho bị cáo để hưởng lợi. Bị cáo L thanh toán thắng thua trực tiếp với từng bị cáo B, Hà, L, T1. Để thực hiện tội phạm, bị cáo L thuê Nguyễn Đình Q, Dương Thành T giúp sức trong việc nhận số, tổng hợp số lô đề, liên hệ với các đầu thư ký đề để cài đặt ứng dụng Telegram phục vụ đánh bạc. Bị cáo T giúp sức cho Nguyễn Hoàng L thanh toán tiền thắng thua với các thư ký đề trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến 04/7/2021, bị cáo Quốc giúp sức cho Nguyễn Hoàng L tổng hợp số lô đề do các thư ký chuyển vào tài khoản Telegram ở tại nhà L. Tổng số tiền bị cáo L đánh bạc là 61.231.000 đồng. Đối chiếu với quy định của khoản 1 Điều 322 BLHS, số tiền đánh bạc

của Nguyễn Hoàng L ngày 04/7/2021 là 41.274.000 đồng đủ cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Nguyễn Đăng B, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Nam H, Bùi Thị L có hành vi bán số lô đề cho Nguyễn Hoàng L để hưởng lợi theo % trên số tiền bán lô đề. Mỗi lô đề các bị cáo chuyển cho L dưới 20.000.000 đồng. Các bị cáo B, T1, Hà, L không cùng câu kết, thông đồng, bàn bạc, không cùng nhau thực hiện một hành vi nhằm mục đích thu lời bất chính, không cùng nhau ăn chia tiền do phạm tội mà có. Hành vi của Nguyễn Đăng B, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Nam Hà, Bùi Thị L đủ cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Ngọc V có hành vi đánh bạc với Nguyễn Nam H vào ngày 04/7/2021, số tiền dùng đánh bạc là 5.750.000 đồng đủ cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo L, T, B, T1, H, L, Văn thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Quốc không thừa nhận hành vi phạm tội, khai bị ép cung nhưng không có căn cứ chứng minh. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận khi cơ quan tố tụng lấy lời khai có ghi âm ghi hình, tại thời điểm lấy lời khai, bị cáo không bị đánh đập ép cung. Các lời khai ban đầu, bản kiểm điểm của Nguyễn Đình Q phù hợp với lời khai ban đầu và bản kiểm điểm của Nguyễn Hoàng L. Vì vậy, cho dù tại phiên tòa, Nguyễn Đình Q chối tội, nhưng bị cáo Nguyễn Hoàng L có lời khai tại phiên tòa xác nhận: “Bị cáo có thuê Q tổng hợp bảng lô đề tại nhà bị cáo vào ngày 04/7/2021 bằng chiếc điện thoại của bị cáo thường để trong nhà”. Bị cáo Q nghe rõ và không phản đối lời khai của bị cáo L, coi như thừa nhận hành vi phạm tội. Do vậy, bị cáo Q cho rằng mình bị truy tố, xét xử oan là không có căn cứ. Bị cáo Q không thành khẩn, không ăn năn hối cải nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là xác đáng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự, an toàn công cộng, là tệ nạn xã hội cần bài trừ. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra. Song do các bị cáo hám lợi, cố tình phạm tội. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng L, Dương Thành T, Nguyễn Đình Q phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 BLHS, hành vi của Nguyễn Đăng B, Nguyễn Nam H, Nguyễn Đình T1, Bùi Thị L, Nguyễn Ngọc V phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Viện dẫn điều luật như sau :

Điều 321 BLHS quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của bộ luật này hoặc đã kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của

Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Điều 322 BLHS quy định:

"1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gạ bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm ;.....

c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên ;"

Cần thiết phải đưa các bị cáo ra xét xử và có mức hình phạt thỏa đáng nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời đấu tranh tuyên truyền, giáo dục phòng chống tội phạm, đề cao sự nghiêm minh của pháp luật trước mọi hành vi phạm tội.

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự của các bị cáo: Các bị cáo L, B, T1, H, L, V đều không có tiền án tiền sự, nhân thân tốt.

Bị cáo T, Quốc có 01 tiền án chưa được xoá, phạm tội trong thời gian thử thách của bản án treo.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp tiền thu lời bất chính, bản thân đang mắc bệnh hiểm nghèo (Ung thư, cần điều trị tích cực bằng hoá trị, xạ trị để duy trì cuộc sống B thường). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Nguyễn Đình Q, Dương Thành T tham gia vai trò thứ yếu, là đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Hoàng L, thời gian thực hiện hành vi vi phạm không thường xuyên, chưa được hưởng lợi.

Đối với bị cáo T, quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo chưa thu lời bất chính, bà nội bị cáo (là bà Hoàng Thị H) là người có công (được tặng huân chương kháng chiến) trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên cho bị cáo hưởng khoản 2 Điều 51 BLHS.

Cả hai bị cáo T, Q đều có tình tiết tăng nặng là tái phạm (phạm tội trong thời gian thử thách của bản án treo) theo điểm h khoản 1 Điều 52 và khoản 5 Điều 65 của BLHS. Đối với bị cáo Quốc chỉ có một hành vi giúp sức tổng hợp số lô đề cho Nguyễn Hoàng L vào ngày 04/7/2021, hành vi nguy hiểm hạn chế hơn so với bị cáo T, song bị cáo Q không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình mà còn

quanh co chối tội tại phiên toà. Bị cáo Q không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do vậy, cần tuyên hai bị cáo T, Q mức hình phạt tương đương nhau là phù hợp, để các bị cáo nhận thức được tính chất nhân đạo của pháp luật, lấy đó làm bài học về sự thành khẩn, cầu thị, mong muốn hoàn lương.

Đối với bị cáo Nguyễn Đăng B, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Mặc dù bị cáo phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng theo khoản 1 Điều 52 BLHS, song với định lượng số tiền mỗi lô đề không lớn, số tiền hưởng lợi bất chính không nhiều. Quá trình điều tra, truy tố xét xử đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, nộp tiền thu lời bất chính vào Ngân sách Nhà nước nên áp dụng chính sách nhân đạo, áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo, để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người tốt.

Ngoài ra, các bị cáo L, B, T còn khai thêm về hành vi vi phạm, ngoài lời khai của các bị cáo không có căn cứ chứng minh tội phạm, cơ quan điều tra không xử lý. Việc các bị cáo tự thú, tự khai nhận hành vi vi phạm trước đó mặc dù không có căn cứ chứng minh các bị cáo phạm tội nhưng thể hiện thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải cũng là thể hiện mong muốn hoàn lương của các bị cáo. Do vậy, không xem xét trách nhiệm đối với các bị cáo về các trường hợp đã khai báo trong vụ án này.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tự nguyện nộp tiền thu lời bất chính theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với các bị cáo Nguyễn Nam H, Bùi Thị L, Nguyễn Ngọc V đều được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Hà tự nguyện nộp tiền thu lời bất chính, là lao động chính trong gia đình; bị cáo Bùi Thị L là lao động chính, một mình nuôi con và chăm mẹ già được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Văn thành khẩn khai báo ăn năn hối cải được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, ngoài ra còn được áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt: Xét đây là vụ đồng phạm giản đơn, bị cáo L (thông qua Dương Thành T) thoả thuận với từng bị cáo B, T1, H, L ghi lô đề cho các con bạc chơi rồi chuyển số cho L để hưởng lợi, không có việc phân công phân nhiệm chặt chẽ, mỗi thư kí đề với Nguyễn Hoàng L thực hiện hành vi đánh bạc độc lập và không có mối liên hệ với các thư kí đề khác, các thư kí đề cũng không cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc với Nguyễn Hoàng L và không cùng nhau ăn chia chung số tiền hưởng lợi bất chính. Đây là hành vi tham lam bộc phát, không có dự mưu, thủ đoạn. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về tội lỗi của mình, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy, cần có mức hình phạt thể hiện sự nghiêm minh nhưng đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước đối với bị cáo, để bị cáo lấy

đó làm bài học để tu dưỡng bản thân.

Bị cáo V lần đầu phạm tội, số tiền dùng để đánh bạc chỉ ở ngưỡng khởi điểm của khung hình phạt của khoản 1 Điều 321 BLHS.

Để cá thể hoá hình phạt mỗi bị cáo, cần xem xét nhiều yếu tố, đối với bị cáo Nguyễn Hoàng L, do là người khởi xướng việc phạm tội; bị cáo Dương Thành T, Nguyễn Đình Q có tiền án, phạm tội trong thời gian thử thách của bản án treo nên áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo quy định của Điều 38 BLHS. Bên cạnh đó, bị cáo T, Q còn phải chịu hình phạt tù giam của Bản án số 269/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm (bị cáo T 34 tháng tù, bị cáo Quốc 18 tháng tù) theo quy định tại Điều 56 BLHS. Tuy nhiên, Nguyễn Hoàng L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, tự nguyện nộp tiền thu lời bất chính vào Ngân sách, bản thân bị cáo L mang trọng bệnh. Bị cáo Dương Thành T thành khẩn khai báo, vai trò thứ yếu trong vụ đồng phạm, bà nội bị cáo T là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng Huân chương kháng chiến. Bị cáo Nguyễn Đình Q, trong giai đoạn điều tra, tuy tố khai báo thành khẩn, tuy nhiên giai đoạn xét xử không thành khẩn. Song, xét bị cáo tham gia đồng phạm với Nguyễn Hoàng L với vai trò thứ yếu, chỉ thực hiện một hành vi giúp sức cho Nguyễn Hoàng L vào ngày 04/7/2021 nên so với bị cáo T thì hành vi của Q ít nguy hiểm hơn.

Đối với Nguyễn Đăng B, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Nam H, Bùi Thị L, Nguyễn Ngọc V có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, đối chiếu với quy định tại Điều 65 BLHS, xét thấy không cần bắt chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo, được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ răn đe và giáo dục chung.

Do vậy cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Hoàng L, Dương Thành T, Nguyễn Đình Q. Cho các bị cáo Nguyễn Đăng B, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Nam H, Bùi Thị L, Nguyễn Ngọc V được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội.

*** Hình phạt bổ sung:**

Áp dụng khoản 3 Điều 322 BLHS phạt tiền đối với bị cáo L: 30.000.000 đồng; Các bị cáo T, Quốc, B, Hà, T1, L mỗi bị cáo 20.000.000 đồng

Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS phạt tiền đối với bị cáo Văn: 10.000.000 đồng;

[6] Về vật chứng: Cần áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS:

***Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

- Tiền: 5.400.000 đồng của Nguyễn Nam H (theo giấy nộp tiền vào tài khoản);

Tài sản: 09 điện thoại di động hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh;

***Tịch thu tiêu huỷ các sim điện thoại lắp trong máy điện thoại của các bị cáo.**

- 01 sim điện thoại số 0813856697 của Nguyễn Đình T1,

- Thẻ sim số: 0964469800 và 0904134882, thẻ sim số: 0868177457 của Nguyễn Đăng B.

- Thẻ sim số: 0944005989 của Nguyễn Nam H.

- Thẻ sim số: 0977187823 của Bùi Thị L.

- 01 Thẻ sim 0915457100 của Đỗ Thị H;

- 01 thẻ sim 0936456973 của Nguyễn Thị M;

- 01 Thẻ sim số 0392323198 của Lương Hiền T;

- 01 Quyền tích kê, 01 chiếc bút bi, 01 bảng trắng, 01 ghế nhựa màu xanh; 01 bàn nhựa màu đỏ;

Chi tiết vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh ngày 30/12/2021 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 31/12/2021.

***Truy thu sung Ngân sách số tiền các bị cáo đánh bạc, cụ thể:**

- Của Nguyễn Hoàng L: 61.231.000 đồng.

- Của Nguyễn Đăng B 27.235.000 đồng.

- Của Nguyễn Nam H: 12.785.500 đồng.

- Của Nguyễn Đình T1: 12.481.500 đồng.

- Của Nguyễn Thị L: 8.230.000 đồng.

- Của Nguyễn Ngọc V: 5.7500.000 đồng.

*Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng L nộp 4.050.000 đồng, Nguyễn Đăng B nộp 1.711.000 đồng, Nguyễn Đình T1 nộp 488.000 đồng, Nguyễn Nam Hà nộp 24.000 đồng, Bùi Thị L nộp 401.500 đồng tiền thu lời bất chính để sung và Ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Hoàng L tự nguyện nộp 4.050.000 đồng, Nguyễn Đăng B tự nguyện nộp 1.711.000 đồng, Nguyễn Đình T1 nộp 488.000 đồng, Nguyễn Nam H nộp 24.000 đồng tiền thu lời bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo L, B, H, T1 đã nộp đủ số tiền thu lời bất chính.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ Điều 106, 136, 331, 333 BLTTHS năm 2015; Điều 47 BLHS;

+ Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- + Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với Nguyễn Hoàng L;
- + Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 5 Điều 65, Điều 56 BLHS đối với Dương Thành T;
- + Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 5 Điều 65, Điều 56 BLHS đối với Nguyễn Đình Q;
- + Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với Nguyễn Đăng B, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Nam H, Bùi Thị L;
- + Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với Bùi Thị L;
- + Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với Nguyễn Ngọc V;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Đình Q, Dương Thành T phạm tội “ Tổ chức đánh bạc”, các bị cáo Nguyễn Đăng B, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Nam Hà, Bùi Thị L, Nguyễn Ngọc V phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng L 17 (mười bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/10/2021 đến ngày 02/12/2021.
- Bị cáo Dương Thành T 15 (mười lăm) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 34 (ba mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 269/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 49 (bốn mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2021. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 20/12/2019 đến ngày 09/01/2020.
- Nguyễn Đình Q 15 (mười lăm) tháng tù tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 269/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2021. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/5/2020 đến ngày 28/9/2020 tại Bản án số 269/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.
- Bị cáo Nguyễn Đăng B 16 (mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 32 tháng kể từ ngày tuyên án.
- Bị cáo Nguyễn Nam H 16 (mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 32 tháng kể từ ngày tuyên án.
- Bị cáo Nguyễn Đình T1 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án.
- Bị cáo Bùi Thị L 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc V 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Đăng B, Nguyễn Nam H, Nguyễn Ngọc Văn cho Ủy ban nhân dân xã Hải B, huyện Đông A, thành phố Hà N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Đình T1 cho Ủy ban nhân dân xã Võng L, huyện Đông A, thành phố Hà N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Giao bị cáo Bùi Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Kim C, huyện Đông A, thành phố Hà N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Hình phạt bổ sung:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 322 BLHS, phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Hoàng L là 30.000.000 đồng;

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS, phạt tiền đối với bị cáo Dương Thành T, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đăng B, Nguyễn Nam H, Nguyễn Đình T1, Bùi Thị L mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS, phạt tiền đối với bị cáo Văn: 10.000.000 đồng;

- Truy thu sung Ngân sách số tiền các bị cáo đánh bạc, cụ thể:

Của Nguyễn Hoàng L: 61.231.000 đồng.

Của Nguyễn Đăng B 27.235.000 đồng.

Của Nguyễn Nam Hà: 12.785.500 đồng.

Của Nguyễn Đình T1: 12.481.500 đồng.

Của Nguyễn Thị L: 8.230.000 đồng.

Của Nguyễn Ngọc Văn: 5.7500.000 đồng.

Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS:

*** Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:**

- **Tiền:** 5.400.000 đồng thu của bị cáo Nguyễn Nam H ;

- **09 điện thoại di động gồm:**

+ *Của Dương Thành T:* 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đỏ, số Imei: 352899117317681 lắp sim số 0886803123.

+ *Của Nguyễn Đình T1:* 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8.

+ *Của Nguyễn Đăng B:* 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21;

+ *Của Nguyễn Nam H*: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen, số Imei 1: 865720044845912, số Imei 2: 865720044845904 và 5.400.000 đồng.

+ *Của Bùi Thị L (tức H)*: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A7, màu vàng, số Imei 1: 864123047305951, số Imei 2: 864124047305944.

+ *Của Đỗ Thị Hg*: 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ số seri

+ *Của Lương Hiền T*: 01 điện thoại di động Samsung màu đen số seri 353853107388673/01.

+ *Của Nguyễn Thị M*: 01 điện thoại di động Samsung màu trắng số seri 03588687351811/01.

***Tịch thu tiêu huỷ các sim điện thoại lắp trong các điện thoại thu giữ của bị cáo gồm:**

- Thẻ sim điện thoại số 0813856697 của Nguyễn Đình T1,

- Thẻ sim số: 0964469800 và 0904134882, thẻ sim số: 0868177457 của Nguyễn Đăng B.

- Thẻ sim số: 0944005989 của Nguyễn Nam H.

- Thẻ sim số: 0977187823 của Bùi Thị L.

- Thẻ sim 0915457100 của Đỗ Thị H;

- Thẻ sim 0936456973 của Nguyễn Thị M;

- Thẻ sim số 0392323198 của Lương Hiền T;

Chi tiết vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh ngày 30/12/2021 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 31/12/2021.

Buộc bị cáo Bùi Thị L nộp 401.500 đồng tiền thu lời bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận các bị cáo sau đây đã tự nguyện nộp tiền thu lời bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước:

Nguyễn Hoàng L: 4.050.000 đồng,

Nguyễn Đăng B: 1.711.000 đồng;

Nguyễn Đình T1 488.000 đồng;

Nguyễn Nam Hà tự nguyện nộp 24.000 đồng;

Các bị cáo L, B, Hà, T1 đã nộp đủ số tiền thu lời bất chính.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Đăng B, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Nam H, Bùi Thị L, Nguyễn Ngọc V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- UBND xã Hải Bối;
- UBND xã Võng La;
- UBND xã Kim Chung;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Sở TP Thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thúy Hà

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận được bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 9 năm 2021;

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thúy Hà**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hoàng Thị An

2/ Bà Nguyễn Thị Nhân

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 137/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn Tùng**, sinh năm 1982; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Hà Lỗ, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Hoàng Văn Thụ; Con bà: Trịnh Thị Ly; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Vợ: Nguyễn Thị Lệ. Bị cáo có 02 con: lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007. Tiền án tiền sự: Không.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của BLTTHS;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

a) Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

b) Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do luật sư, bị cáo, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp là hợp pháp;

Về việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hợp pháp do họ có lời khai đầy đủ tại hồ sơ.

Về việc xét xử vắng mặt người bào chữa cho bị cáo là hợp pháp bị cáo tự bào chữa và đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa.

c) Có căn cứ kết tội bị cáo phạm tội “Gá bạc”. Có đủ căn cứ tuyên bố bị cáo phạm tội gá bạc theo Điểm a khoản 1 Điều 322 BLHS.

d) Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo; trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, biện pháp tư pháp, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo, án phí:

- Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: Không; Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về tội lỗi của mình theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo là người bị bệnh về da liễu mãn tính (bệnh Dị sùng Darier), tuy không nằm trong danh mục bệnh hiểm nghèo, song căn bệnh bị cáo của bị cáo cần điều trị thường xuyên, liên tục mới có thể duy trì cuộc sống bình thường nên áp dụng Khoản 2 Điều 51 BLHS giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Về hình phạt: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo. Nên áp dụng điều 65 BLHS, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Xử phạt: Hoàng Văn Tùng 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 40 (bốn mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Về việc giám sát giáo dục sau tuyên bản án sơ thẩm: Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy: Đối với 03 chiếc cối, 12 đĩa sứ, 12 bộ bài chắn đã qua sử dụng

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 11.500.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận được bản án.

g) Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

h) Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không
Các vấn đề trên, Hội đồng xét xử nhất trí, biểu quyết thông qua 3/3.
Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng
nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA